

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN CT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 819/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thành Trại
2. Ông Phùng Văn Long

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đông, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 484/2022/TB-TLVA ngày 24 tháng 6 năm 2022 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** **Chị Phạm Thị O**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** **Anh Dương Cà N**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(chị O có mặt, anh N vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 13 tháng 6 năm 2022 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị O trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Dương Cà N tự nguyện chung sống từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NB huyện CT tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên

nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị cũng không hàn gắn được. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng anh chị chung sống có 01 con chung tên Dương Thị Huỳnh A, sinh ngày 03/7/2011, hiện cháu Huỳnh A đang sống chung với chị. Nay, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh A, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng.

Về quan hệ tài sản chung: Chị và anh N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, tại Đơn yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chị thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

\* Đối với bị đơn anh Dương Cà N: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị O.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật, riêng bị đơn không thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Dương Cà N đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Phạm Thị O và anh Dương Cà N tự nguyện chung sống vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã NB huyện CT tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 037 quyển số 01 ngày 05/4/2010. Như vậy, chị O và anh N có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc

đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ vào các Điều 9 và 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị O và anh Dương Cà N là hợp pháp.

[2.1.2] Chị O yêu cầu ly hôn với anh N vì cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2021 nguyên nhân do chị và anh N bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, chị O và anh N đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Lời trình bày của chị O là phù hợp với kết quả xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị O và anh N tại địa phương và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, anh N mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh N cũng không đến để tham gia hòa giải đoàn tụ và không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của chị O. Xét thấy, chị O và anh N không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, thời gian sống ly thân đã lâu. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị O.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị O và anh Dương Cà N chung sống có 01 con chung tên Dương Thị Huỳnh A, sinh ngày 03/7/2011. Hiện cháu Huỳnh A đang sống chung với chị O. Chị O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh A. Xét thấy, trong thời gian chị O và anh N sống ly thân, cháu Huỳnh A đã được chị O chăm sóc chu đáo. Anh N cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị O. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và sự phát triển bình thường của cháu Huỳnh A, có xét đến nguyện vọng của cháu Huỳnh A muốn được sống chung với mẹ, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị O.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Như nhận định trên, chị O là người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, có đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, anh N cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không đặt ra xem xét.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Phạm Thị O phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị O.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị O được ly hôn với anh Dương Cà N.

- Về con chung: Giao con chung tên Dương Thị Huỳnh A, sinh ngày 03/7/2011 cho chị Phạm Thị O trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Dương Cà N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Dương Cà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị O phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Phạm Thị O đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0020622 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Huỳnh Trúc**